

# BỘ 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN TIN HỌC 12 NĂM HỌC 2019-2020

## CÓ ĐÁP ÁN

### 1. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 1

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN HỌC – LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

#### I. Trắc nghiệm:

**Câu 1:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chở về dữ liệu ban đầu sau khi lọc
- B. Thêm bản ghi mới
- C. Tìm kiếm và thay thế
- D. Xoá bản ghi





**Câu 2:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Lọc theo mẫu
- B. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- C. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần
- D. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần

**Câu 3:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chuyển sang chế độ trang dữ liệu
- B. Chuyển sang chế độ thiết kế
- C. Lưu cấu trúc bảng
- D. In dữ liệu từ bảng

**Câu 4:** Để chỉ định khoá chính, ta chọn trường làm khoá chính sau đó nháy nút:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

**Câu 5:** Trong Access, để khai báo số điện thoại ta dùng kiểu dữ liệu nào?

- A. Number
- B. Date/Time
- C. Currency
- D. AutoNumber

**Câu 6:** Trong Access, dữ liệu kiểu tiền tệ là:

- A. Number
- B. Date/Time
- C. Currency
- D. AutoNumber

**Câu 7:** Trong Access, chế độ trang dữ liệu thực hiện công việc gì?


- A. Tạo và thay đổi cấu trúc bảng
- B. Cập nhật và thay đổi dữ liệu
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai


**Câu 8:** Người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL là:

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người dùng
- C. Người quản trị CSDL

D. Cả ba ý trên

**Câu 9:** Cho các thao tác sau:

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

A. (3) → (1) → (2)

B. (2) → (3) → (1)

C. (3) → (2) → (1)

D. (1) → (3) → (2)

**Câu 10:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường So\_luong (Số lượng)?

A. AutoNumber

B. Date/Time

C. Number

D. Currency

## II. Tự luận:

**Bài 1.** Hãy liệt kê các thao tác cơ bản khi làm việc với bảng?

**Bài 2.** Có những cách nào để tạo đối tượng trong Access?

**Bài 3.** (2.5 điểm) Trong quản lí nhân viên của một công ty, theo em có thể khai báo kiểu dữ liệu gì cho mỗi thuộc tính sau đây?

Mã nhân viên:

Họ tên:

Ngày sinh:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 1 – MÔN TIN 12

### I. Trắc nghiệm:

1.C            2.D            3.A            4.D            5.A  
6.C            7.B            8.B            9.B            10.C

### II. Tự luận:

**Câu 1:** Các thao tác cơ bản khi làm việc với bảng:

- a) Cập nhật dữ liệu: Thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa
- b) Sắp xếp và lọc: Sắp xếp, lọc.
- c) Tìm kiếm đơn giản.
- d) In dữ liệu.

**Câu 2:** Có những cách sau để tạo đối tượng trong Access:

- a) Dùng các mẫu dựng sẵn (wizard-thuật sĩ)
- b) Người dùng tự thiết kế
- c) Kết hợp cả hai cách trên

**Câu 3:** Có thể khai báo dữ liệu cho các thuộc tính như sau:

- Mã nhân viên: Text, AutoNumber, Memo, Number.
- Họ tên: Text, Memo.
- Ngày sinh: Date/Time.
- Địa chỉ: Text.
- Số điện thoại: Text, Number.

## 2. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 2

TRƯỜNG THPT LÝ TỰ TRỌNG

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

**MÔN TIN HỌC – LỚP 12****Thời gian làm bài: 45 phút**

**Câu 1:** Khi tạo cấu trúc bảng, tên trường được nhập vào cột.

- A. Field name.
- B. Data type
- C. Field size
- D. Format

**Câu 2:** Mỗi đối tượng của Access có các chế độ làm việc là:

- A. Thiết kế và cập nhật
- B. Trang dữ liệu và thiết kế
- C. Thiết kế và bảng
- D. Chỉnh sửa và cập nhật

**Câu 3:** Trong CSDL đang làm việc, để tạo một bảng mới bằng cách tự thiết kế, thì thao tác thực hiện nào sau đây là đúng.

- A. Table – Create Table in design view
- B. Query – Create Query in design view
- C. Form – Create Form in design view
- D. Report – Create Report in design view

**Câu 4:** Trong CSDL đang làm việc, để tạo một biểu mẫu mới bằng cách làm theo trình thuật sĩ, thì thao tác thực hiện nào sau đây là đúng.

- A. Table – Create Table by using wizard
- B. Query – Create Query by using wizard
- C. Form – Create Form by using wizard
- D. Report – Create Report by using wizard

**Câu 5:** Dữ liệu của CSDL được lưu trữ ở

- A. Query
- B. Form
- C. Table
- D. Report

**Câu 6:** Dữ liệu kiểu logic trong Microsoft Access được ký hiệu là:

- A. Autonumber
- B. Text
- C. Yes/No
- D. Number

**Câu 7:** Khi làm việc với bảng. Ở chế độ Design, khi thực hiện thao tác lệnh Insert Row là ta đang thực hiện công việc nào sau đây?

- A. Chèn thêm bảng
- B. Chèn thêm cột
- C. Chèn thêm bản ghi
- D. Chèn thêm trường

**Câu 8:** Sau khi thiết kế bảng, nếu ta không chọn khóa cho bảng thì

- A. Access tự động tạo khóa chính cho bảng
- B. Access không cho lưu
- C. Access không cho nhập dữ liệu
- D. Thoát khỏi Access.

**Câu 9:** Phần mở rộng của các tệp được tạo bởi Microsoft Access là

- A. XLS
- B. DOC
- C. MDB
- D. PAS

**Câu 10:** Truy vấn dữ liệu có nghĩa là

- A. Xóa các dữ liệu không cần đến nữa

- B. Cập nhật dữ liệu
- C. Tìm kiếm và hiển thị dữ liệu
- D. In dữ liệu.

**Câu 11:** Bảng đã được hiển thị ở chế độ thiết kế, muốn đặt khóa chính ta thực hiện thao tác

- A. Edit – Primary key
- B. File – Primary key
- C. Tools – Primary key
- D. Windows – Primary key

**Câu 12:** Để thực hiện liên kết dữ liệu ta chọn thao tác nào sau đây

- A. Tools – Relationships
- B. Insert – Relationships
- C. Edit – Relationships
- D. File – Relationships

**Câu 13:** Trong các chức năng sau, chức năng nào không phải là chức năng của hệ quản trị CSDL.

- A. Cung cấp cách tạo lập CSDL
- B. Cung cấp cách quản lý tệp
- C. Cung cấp cách cập nhật, tìm kiếm và kết xuất thông tin
- D. Cung cấp công cụ kiểm soát việc truy cập vào CSDL

**Câu 14:** Khi làm việc với bảng. Ở chế độ Data sheet, khi thực hiện thao tác lệnh Insert /Columns là ta đang thực hiện công việc nào sau đây?

- A. Chèn thêm dòng
- B. Chèn thêm cột
- C. Chèn thêm bản ghi
- D. Chèn thêm trường

**Câu 15:** Trong Microsoft Access, một CSDL thường là

- A. Một tệp
- B. Tập hợp các bảng có liên quan với nhau
- C. Một sản phẩm phần mềm

D. Một văn bản.

**Câu 16:** Độ rộng của trường có thể được thay đổi ở đâu

- A. Trong chế độ thiết kế
- B. Trong chế độ trang dữ liệu
- C. Không thể thay đổi được
- D. Có thể thay đổi bất cứ ở đâu.

**Câu 17:** Các đối tượng cơ bản trong Access là:

- A. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Mẫu hỏi.
- B. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Báo cáo.
- C. Bảng, Mẫu hỏi, Biểu mẫu, Báo cáo
- D. Bảng, Macro, Môđun, Báo cáo.

**Câu 18:** Đối tượng nào không dùng để cập nhật dữ liệu:

- A. Báo cáo;
- B. Bảng;
- C. Biểu mẫu;
- D. Mẫu hỏi;

**Câu 19:** Hệ quản trị CSDL là:

- A. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL.
- B. Phần mềm dùng tạo lập CSDL.
- C. Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL.
- D. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL

**Câu 20:** Điều kiện để tạo mối liên kết giữa hai bảng là :

- A. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
- B. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
- C. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số



D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

**Câu 21:** Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để:

- A. Nhập dữ liệu
- B. Sửa cấu trúc bảng
- C. Lập báo cáo
- D. Tính toán cho các trường tính toán

**Câu 22:** Trên Table ở chế độ Design, thao tác chọn Edit à Delete Rows?

- A. Hủy khoá chính cho trường hiện tại.
- B. Xoá trường hiện tại
- C. Tạo khoá chính cho trường hiện tại
- D. Thêm trường mới vào trên trường hiện tại

**Câu 23:** Khi một Field trên Table được chọn làm khoá chính thì?

- A. Giá trị dữ liệu trên Field đó được trùng nhau
- B. Giá trị dữ liệu trên Field đó không được trùng nhau
- C. Giá trị dữ liệu trên Field đó bắt buộc là kiểu Text
- D. Không có khái niệm khoá chính

**Câu 24:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

- A. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- B. Huỷ bỏ lọc
- C. Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc
- D. Lọc dữ liệu theo mẫu

**Câu 25:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, Nhấn Ctrl+F?

- A. Mở hộp thoại Font
- B. Mở hộp thoại Relationships
- C. Mở hộp thoại Edit Relationships
- D. Mở hộp thoại Find and Replace

**Câu 26:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

- A. Lọc dữ liệu theo mẫu
- B. Huỷ bỏ lọc

- C. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- D. Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc

**Câu 27:** Trong bảng chọn objects. Ngăn Table, thao tác Right/click → tên table, chọn Delete?

- A. Đổi tên table
- B. Tạo cấu trúc mới cho table
- C. Xoá table
- D. Lưu cấu trúc của table

**Câu 28:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, chọn một ô, chọn  ?

- A. Sắp xếp dữ liệu trên cột chứa ô vừa chọn theo chiều giảm
- B. Sắp xếp dữ liệu trên cột chứa ô vừa chọn theo chiều tăng
- C. Sắp xếp các trường của Table theo chiều tăng
- D. Sắp xếp các trường của Table theo chiều giảm

**Câu 29:** Trong bảng chọn objects. Ngăn Table, thao tác Right/click → tên table, chọn → Rename?

- A. Đổi tên table vừa chọn
- B. Nhập dữ liệu cho table
- C. Xoá table
- D. Chỉnh sửa cấu trúc cho table

**Câu 30:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, chọn Edit → Delete Record à Yes?

- A. Xoá trường khoá chính (Primary key)
- B. Xoá Table đang xử lý
- C. Xoá trường chứa con trỏ
- D. Xoá bản ghi chứa con trỏ

**Câu 31:** Trong Access, để làm việc với chế độ thiết kế ta thực hiện: ..... Design View?

A. View

B. Edit

C. Insert

D. Tools

**Câu 32:** Access là

A. Cơ sở dữ liệu

B. Phần mềm chỉ có chức năng tính toán số liệu

C. Là hệ quản trị cơ sở dữ liệu

D. Phần mềm hệ thống

**Câu 33:** Chọn phát biểu đúng

A. Access chỉ cho phép lọc dữ liệu theo điều kiện And

B. Access chỉ cho phép lọc dữ liệu có tối đa 3 điều kiện

C. Access cho phép lọc dữ liệu theo điều kiện And lẫn Or

D. Access chỉ cho phép lọc dữ liệu theo điều kiện Or

**Câu 34:** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn lọc những bản ghi theo ô dữ liệu đang chọn, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Record/Filter/Filter By Selection

B. Record/Filter By Form

C. Record/Filter/Filter By Form

D. Record/Filter By Selection

**Câu 35:** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn lọc những bản ghi theo mẫu, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Record/Filter/Filter By Selection

B. Record/Filter By Form

C. Record/Filter/Filter By Form

D. Record/Filter By Selection

**Câu 36:** Trong Access, muốn tạo cấu trúc bảng theo cách tự thiết kế, ta chọn?

A. Create table in design view

B. Create table by using wizard

C. Create table by entering data

D. Create query in design view

**Câu 37:** Để thiết kế bảng theo ý thích của mình, sau khi vào hộp thoại New Table, ta chọn:

A..Open Table.

B. Design View

C. DataSheet view

D. Table Wizard

**Câu 38:** Trường nào có thể khai báo kiểu dữ liệu Auto number trong các trường sau đây?

A. Điểm toán

B. Ngày sinh

C. Số thứ tự

D. Điểm trung bình

**Câu 39:** Sau khi thiết kế xong bảng nếu ta không chỉ định khóa chính thì

A. Access không cho phép nhập dữ liệu

B. Access không cho phép lưu bảng

C. Access chọn trường đầu tiên mà người thiết kế đã tạo làm khóa chính

D. Access đưa ra lựa chọn là tự động cho trường khóa chính cho bảng

**Câu 40:** Để đi đến ô cuối cùng của bảng ở chế độ trang dữ liệu là nhấn phím:

A. End

B. Shift + End

C. Ctrl + End

D. Alt + End

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 2 – MÔN TIN 12

1.A	2.B	3.A	4.C	5.C	6.C	7.D	8.A	9.C	10.C
11.A	12.A	13.B	14.B	15.B	16.A	17.C	18.C	19.A	20.A
21.A	22.B	23.B	24.D	25.D	26.C	27.C	28.B	29.A	30.D
31.A	32.C	33.C	34.A	35.A	36.A	37.B	38.C	39.D	40.C

### 3. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 3

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN HỌC – LỚP 12


Thời gian làm bài: 45 phút

TRƯỜNG THPT ĐÀO HUY TỪ


#### I. Trắc nghiệm:

**Câu 1:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chờ về dữ liệu ban đầu sau khi lọc
- B. Thêm bản ghi mới
- C. Tìm kiếm và thay thế
- D. Xoá bản ghi





**Câu 2:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Lọc theo mẫu
- B. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- C. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần
- D. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

**Câu 3:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chuyển sang chế độ trang dữ liệu
- B. Chuyển sang chế độ thiết kế
- C. Lưu cấu trúc bảng
- D. In dữ liệu từ bảng

**Câu 4:** Để chỉ định khoá chính, ta chọn trường làm khoá chính sau đó nháy nút:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

**Câu 5:** Trong Access, để khai báo số điện thoại ta dùng kiểu dữ liệu nào?

- A. Number
- B. Date/Time
- C. Currency

D. AutoNumber

**Câu 6:** Trong Access, dữ liệu kiểu ngày giờ là:

A. Number

B. Date/Time

C. Currency

D. AutoNumber

**Câu 7:** Trong Access, chế độ thiết kế thực hiện công việc gì?

A. Tạo và thay đổi cấu trúc bảng

B. Cập nhật và thay đổi dữ liệu

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 8:** Người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL là:


A. Người lập trình ứng dụng

B. Người dùng

C. Người quản trị CSDL

D. Cả ba ý trên

**Câu 9:** Cho các thao tác sau:

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

A. (3) → (1) → (2)

B. (3) → (2) → (1)

C. (2) → (3) → (1)

D. (1) → (3) → (2)

**Câu 10:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường Dia\_chi (Địa chỉ)?

A. AutoNumber

B. Date/Time

C. Text

D. Currency

## II. Tự luận:

**Bài 1.** Liệt kê các loại đối tượng cơ bản trong Access?

**Bài 2.** Hãy nêu các chức năng của hệ quản trị CSDL?

**Bài 3.** Trong quản lí nhân viên của một công ty, theo em có thể khai báo kiểu dữ liệu gì cho mỗi thuộc tính sau đây?

Mã nhân viên:

Họ tên:

Ngày sinh:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 3 – MÔN TIN 12

### I. Trắc nghiệm

1.D

2.B

3.C

4.D

5.A

6.B

7.A

8.B

9.C

10.C

### II. Tự luận

**Câu 1:** Các loại đối tượng trong Access là:

a) Bảng (table)

b) Mẫu hỏi (query)

c) Biểu mẫu (form)

d) Báo cáo (report)

**Câu 2:** Các chức năng của hệ quản trị CSDL:

- a) Cung cấp môi trường tạo lập CSDL.
- b) Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu.
- c) Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.

**Câu 3:** Có thể khai báo dữ liệu cho các thuộc tính như sau:

- Mã nhân viên: Text, AutoNumber, Memo, Number.
- Họ tên: Text, Memo.
- Ngày sinh: Date/Time.
- Địa chỉ: Text.
- Số điện thoại: Text, Number.

#### 4. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 4

TRƯỜNG THPT CHUYÊN HẠ LONG

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN HỌC – LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

#### I. Trắc nghiệm

**Câu 1:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?


- A. Chở về dữ liệu ban đầu sau khi lọc
- B. Thêm bản ghi mới
- C. Tìm kiếm và thay thế
- D. Xoá bản ghi

**Câu 2:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Lọc theo mẫu







- B. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- C. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần
- D. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

**Câu 3:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chuyển sang chế độ trang dữ liệu
- B. Chuyển sang chế độ thiết kế
- C. In dữ liệu từ bảng
- D. Lưu cấu trúc bảng

**Câu 4:** Để chỉ định khoá chính, ta chọn trường làm khoá chính sau đó nháy nút:

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

**Câu 5:** Trường Email có giá trị là: lop12A3@gmail.com. Hãy cho biết trường Email có kiểu dữ liệu gì?

- A. AutoNumber
- B. Text
- C. Number
- D. Currency

**Câu 6:** Dữ liệu kiểu số đếm, tăng tự động cho bản ghi mới là:

- A. Number
- B. Date/Time
- C. Currency
- D. AutoNumber


**Câu 7:** Công việc tạo và thay đổi cấu trúc bảng được thực hiện trong chế độ nào?


- A. Chế độ trang dữ liệu
- B. Chế độ thiết kế
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

**Câu 8:** Người có vai trò quan trọng trong việc phân công quyền truy cập và sử dụng CSDL là:

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người dùng
- C. Người quản trị CSDL
- D. Cả ba ý trên

**Câu 9:** Cho các thao tác sau:

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Chọn ô có dữ liệu cần lọc

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

- A. (3) → (2) → (1)
- B. (2) → (3) → (1)
- C. (1) → (3) → (2)
- D. (3) → (1) → (2)

**Câu 10:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường Don\_gia (Đơn giá VNĐ)?

- A. Currency
- B. AutoNumber
- C. Date/Time
- D. Number

**II. Tự luận:**

**Bài 1.** Access là gì? Hãy kể các chức năng chính của Access?

**Bài 2.** Hãy nêu các bước xây dựng CSDL?

**Bài 3.** Trong quản lí hàng hóa, theo em có thể khai báo kiểu dữ liệu gì cho mỗi thuộc tính sau đây?

Mã hàng:

Tên hàng:

Ngày nhập:

Số lượng:

Đơn giá:

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 4 – MÔN TIN 12

#### I. Trắc nghiệm

1.B            1.A            3.C            4.D            5.B  
6.D            7.B            8.C            9.D            10.A

#### II. Tự luận

##### Câu 1:

Access: Là hệ quản trị cơ sở dữ liệu nằm trong bộ phần mềm Microsoft Office của hãng Microsoft dành cho máy tính cá nhân và máy tính chạy trong mạng cục bộ.

Các chức năng chính của Access là: Tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu.

##### Câu 2: Các bước xây dựng CSDL:

- Khảo sát
- Thiết kế
- Kiểm thử

##### Câu 3: Có thể khai báo dữ liệu cho các thuộc tính như sau:

- Mã hàng: Text, AutoNumber, Memo, Number.
- Tên hàng: Text, Memo.

- Ngày nhập: Date/Time.
- Số lượng: Number.
- Đơn giá: Currency.

## 5. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 5

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN HỌC – LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

**Câu 1:** Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Toán, Lý, ...

- A. Number                      B. Yes/No                      C. Currency                      D. AutoNumber



**Câu 2:** Nút Primary Key là nút nào trong các nút sau?

- A.                       B.                       C.                       D. 

**Câu 3:** Hãy chọn phương án ghép đúng nhất. Để xóa một bản ghi trong bảng cần thực hiện: mở bảng, chọn bản ghi và:

- A. Nháy nút lệnh Erase Record.  
B. Nháy nút lệnh Cut Record.  
C. Nhấn phím Delete.  
D. Tất cả đều đúng.

**Câu 4:** Cho các thao tác sau:

- (1) Nháy nút   
(2) Nháy nút   
(3) Nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu

Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo mẫu là:

- A. (1) → (2) → (3)                      B. (3) → (2) → (1)  
C. (1) → (3) → (2)                      D. (2) → (3) → (1)

**Câu 5:** Để tạo một tệp cơ sở dữ liệu (CSDL) mới và đặt tên tệp trong Access, ta phải:

- A. Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New.
- B. Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New, kích tiếp vào Bland Database... đặt tên tệp và chọn Create.
- C. Kích vào biểu tượng New.
- D. Vào File → chọn New.

**Câu 6:** Liên kết giữa các bảng cho phép:

- A. Tránh được dư thừa dữ liệu
- B. Có thể có được thông tin tổng hợp từ nhiều bảng
- C. Nhất quán dữ liệu
- D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 7:** Khi muốn thiết lập liên kết giữa hai bảng thì mỗi bảng phải có:

- A. Khóa chính giống nhau
- B. Số trường bằng nhau
- C. Số bản ghi bằng nhau
- D. Tất cả đều sai

**Câu 8:** Access là hệ QT CSDL dành cho:

- A. Máy tính cá nhân
- B. Các máy tính chạy trong mạng cục bộ
- C. Các mạng máy tính trong mạng toàn cầu
- D. Cả A và B


**Câu 9:** Để thêm bản ghi mới, ta nháy nút nào trong các nút sau?

- A. 
- B. 
- C. 
- D. 

**Câu 10:** Giả sử khi nhập ngày vào làm việc cho cán bộ, muốn hiển thị dữ liệu theo mẫu 24/06/12 thì em phải chọn kiểu dữ liệu là Date/Time, thuộc tính Format là:

- A. General
- B. Short Date
- C. Medium Date
- D. Long Data

**Câu 11:** Để tạo liên kết giữa các bảng, ta chọn:

- A. Tool/ Relationships hoặc nháy nút 
- B. Toosl/ Relationships
- C. Edit/ Insert/ Relationships
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 12:** Hãy chọn câu trả lời đúng. Khi nào thì có thể nhập dữ liệu vào bảng?

- A. Ngay sau khi cơ sở dữ liệu được tạo ra.
- B. Bất cứ khi nào có dữ liệu.
- C. Bất cứ lúc nào cần cập nhật dữ liệu.
- D. Sau khi bảng đã được tạo trong cơ sở dữ liệu.

**Câu 13:** Để tránh mất tệp CSDL mỗi khi cài đặt lại Access em nên?

- A. Lưu tệp CSDL vào trong thư mục Access.
- B. Lưu vào các thiết bị nhớ.
- C. Lưu Ram.
- D. Lưu vào Rom.

**Câu 14:** Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:

- A. Click vào nút  Design
- B. Click vào nút  Open
- C. Click vào nút  New
- D. Bấm Enter

**Câu 15:** Hãy chọn phương án ghép đúng. Dữ liệu của CSDL được lưu ở:

- A. Bảng.                      B. Biểu mẫu.                      C. Báo cáo.                      D. Mẫu hỏi.

**Câu 16:** Các thao tác thay đổi hình thức biểu mẫu, gồm:

- A. Thay đổi nội dung các tiêu đề
- B. Sử dụng phông chữ tiếng Việt
- C. Di chuyển các trường, thay đổi kích thước trường
- D. Cả A, B và C đều đúng





**Câu 17:** Muốn xóa liên kết giữa hai bảng, trong cửa sổ Relationships ta thực hiện:

- A. Chọn hai bảng và nhấn phím Delete
- B. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn phím Delete
- C. Chọn tất cả các bảng và nhấn phím Delete
- D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 18:** Các chức năng chính của Access?

- A. Lập bảng
- B. Tính toán và khai thác dữ liệu
- C. Lưu trữ dữ liệu
- D. Ba câu trên đều đúng

**Câu 19:** Để lọc ra danh sách học sinh “Nam” trong lớp, ta thực hiện:

- A. Nháy nút , rồi gõ vào chữ (“Nam”) trên trường (Giới Tính), sau đó nháy nút 
- B. Trên trường (Giới Tính) ta nháy nút 
- C. Trên trường (Giới Tính) ta click chuột vào một ô có giá trị là (Nam), rồi nháy nút 
- D. Câu A và C đều đúng

**Câu 20:** Hãy chọn phương án đúng nhất. Độ rộng của trường có thể được thay đổi ở đâu?

- A. Trong chế độ thiết kế.
- B. Trong chế độ trang dữ liệu.
- C. Câu A. hay B.
- D. Không thể thay đổi được.

**Câu 21:** Hãy chọn phương án đúng nhất. Để chỉ định khóa chính cho một bảng, sau khi chọn trường, ta thực hiện:

- A. Chọn View → Primary key.
- B. Chọn Table → Edit key.
- C. Chọn Edit → Primary key.
- D. Tất cả đều sai.

**Câu 22:** Hãy chọn phương án đúng nhất. Sau khi thiết kế xong bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì:

- A. Access không cho phép lưu bảng.
- B. Dữ liệu có thể có hai hàng giống hệt nhau.
- C. Access không cho phép nhập dữ liệu.
- D. Tất cả đều đúng.

**Câu 23:** Các đối tượng chính trong Access là gì?

- A. Chứa các bảng, nơi chứa dữ liệu của đối tượng cần quản lí.
- B. Table, Query, Form, Report
- C. Câu A, và câu B.
- D. Chứa hệ phần mềm quản lí và khai thác dữ liệu.

**Câu 24:** Dữ liệu trong một CSDL được lưu trong:

- A. Bộ nhớ ROM
- B. Bộ nhớ RAM
- C. Bộ nhớ ngoài
- D. Các thiết bị vật lí





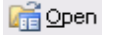


**Câu 25:** Xét công tác quản lí hồ sơ. Trong số các công việc sau, những việc nào không thuộc nhóm thao tác cập nhật hồ sơ?

- A. Thêm hai hồ sơ
- B. Thống kê và lập báo cáo
- C. Sửa tên trong một hồ sơ.
- D. Xóa một hồ sơ

**Câu 26:** Công việc thường gặp khi xử lí thông tin của một tổ chức là gì?

- A. Cập nhật hồ sơ
- B. Khai thác hồ sơ
- C. Tạo lập hồ sơ
- D. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ

**Câu 27:** Để làm việc trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta thực hiện:

- A. Chọn biểu mẫu rồi nhấp nút  và nhấp nút  nếu đang ở chế độ thiết kế
- B. Chọn biểu mẫu rồi nhấp nút  hoặc nhấp nút  nếu đang ở chế độ biểu mẫu
- C. Chọn biểu mẫu rồi nhấp nút  hoặc nhấp nút  nếu đang ở chế độ thiết kế
- D. Chọn biểu mẫu rồi nhấp nút 





**Câu 28:** Việc xác định cấu trúc hồ sơ được tiến hành vào thời điểm nào?

- A. Sau khi đã nhập các hồ sơ vào máy tính
- B. Cùng lúc với việc nhập và cập nhật hồ sơ
- C. Trước khi thực hiện các phép tìm kiếm, tra cứu thông tin




D. Trước khi nhập hồ sơ vào máy tính

**Câu 29:** Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó tăng dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?

- A. Biểu tượng  B. Biểu tượng   
C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 



**Câu 30:** Để tìm kiếm và thay thế dữ liệu trong bảng ta chọn biểu tượng nào sau đây?

- A. Biểu tượng  B. Biểu tượng   
C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

**Câu 31:** Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL?

- A. Người quản trị B. Người lập trình  
C. Người dùng D. Người quản trị CSDL

**Câu 32:** Để làm việc trong chế độ biểu mẫu, ta thực hiện:

- A. Nháy đúp lên tên biểu mẫu  
B. Nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế  
C. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút   
D. Cả A, B và C đều đúng

**Câu 33:** Trong Access có mấy đối tượng cơ bản?

- A. 4 B. 2 C. 1 D. 3

**Câu 34:** Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách tự thiết kế, ta chọn:

- A. Create form in Design View B. Create form by using Wizard  
C. Create form with using Wizard D. Create form by Design View

**Câu 35:** Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy:

- A. Trường B. Bản ghi khác C. Tập D. Cơ sở dữ liệu

**Câu 36:** Access là gì?

- A. Là hệ QTCSDL do hãng Microsoft sản xuất  
B. Là phần cứng  
C. Là phần mềm hệ thống

D. Cả A và B

**Câu 37:** Sắp xếp các thao tác sau đây theo trình tự các bước để tạo liên kết giữa các bảng là:

1. Chọn Tool\Relationships...
2. Tạo liên kết đôi một giữa các bảng
3. Đóng hộp thoại Relationships/ Yes để lưu lại
4. Chọn các bảng sẽ liên kết

A. 2 → 3 → 4 → 1

B. 1 → 4 → 2 → 3

C. 1 → 2 → 3 → 4

D. 4 → 2 → 3 → 1



**Câu 38:** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

- A. Trường (field): Bản chất là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của chủ thể cần quản lý
- B. Kiểu dữ liệu (Data Type): Là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường
- C. Bản ghi (record): Bản chất là hàng của bảng, gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể được quản lý
- D. Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu

**Câu 39:** Hãy chọn phương án đúng. Trong Access, một cơ sở dữ liệu thường là

- A. Không có đáp án nào đúng.
- B. Một tệp.
- C. Tập hợp các bảng có liên quan với nhau.
- D. Một sản phẩm phần mềm

**Câu 40:** Để khởi động Access, ta thực hiện:

- A. Nháy đúp vào biểu tượng  trên màn hình nền
- B. Nháy vào biểu tượng  trên màn hình nền
- C. Start → All Programs → Microsoft Office → Microsoft Access
- D. A hoặc C

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 5 – MÔN TIN 12**

1.A	2.C	3.C	4.C	5.B	6.D	7.D	8.D	9.C	10.B
11.A	12.D	13.	14.A	15.A	16.D	17.B	18.D	19.D	20.A
21.C	22.B	23.B	24.C	25.B	26.D	27.B	28.D	29.A	30.B
31.D	32.D	33.A	34.A	35.A	36.A	37.B	38.D	39.B	40.D

**6. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 6****ĐỀ THI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2019-2020****TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUY TỰ****MÔN TIN HỌC – LỚP 12****Thời gian làm bài: 45 phút****I. Trắc nghiệm**

**Câu 1:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Thêm bản ghi mới    B. Tìm kiếm và thay thế  
C. Chờ về dữ liệu ban đầu sau khi lọc    D. Xoá bản ghi





**Câu 2:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Lọc theo mẫu    B. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn  
C. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần    D. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

**Câu 3:** Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Chuyển sang chế độ trang dữ liệu    B. Chuyển sang chế độ thiết kế  
C. Lưu cấu trúc bảng    D. In dữ liệu từ bảng

**Câu 4:** Để chỉ định khoá chính, ta chọn trường làm khoá chính sau đó nháy nút:

- A.   
B.   
C.   
D. 

**Câu 5:** Trường Email có giá trị là: lop12A3@gmail.com. Hãy cho biết trường Email có kiểu dữ liệu gì?

- A. AutoNumber
- B. Text
- C. Number
- D. Currency

**Câu 6:** Trong Access, dữ liệu kiểu số là:

- A. Number
- B. Date/Time
- C. Currency
- D. AutoNumber


**Câu 7:** Công việc cập nhật và thay đổi dữ liệu được thực hiện trong chế độ nào?


- A. Chế độ trang dữ liệu
- B. Chế độ thiết kế
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

**Câu 8:** Người tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL là:

- A. Người lập trình ứng dụng
- B. Người quản trị CSDL
- C. Người dùng
- D. Cả ba ý trên

**Câu 9: Cho các thao tác sau:**

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Chọn ô có dữ liệu cần lọc

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

A. (3) → (1) → (2)

B. (3) → (2) → (1)

C. (2) → (3) → (1)

D. (1) → (3) → (2)

**Câu 10:** Ta nên chọn kiểu dữ liệu nào cho trường Ngay\_giao\_hàng (Ngày giao hàng)?

A. AutoNumber

B. Number

C. Date/Time

D. Currency

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 6 – MÔN TIN 12

#### I. Trắc nghiệm:

1. C

2. D

3. B

4. D

5. B

6. A

7. B

8. A

9. A

10. C

#### II. Tự luận

**Câu 1:** Có hai chế độ chính làm việc với các đối tượng:

- Chế độ thiết kế (Design View)

- Chế độ trang dữ liệu (Datasheet View)

**Câu 2:** Các thao tác có thể được thực hiện trong chế độ thiết kế bảng:

a) Tạo cấu trúc bảng: Tạo một trường, chỉ định khóa chính, lưu cấu trúc bảng.

b) Thay đổi cấu trúc bảng: Thay đổi thứ tự các trường, thêm trường, xóa trường, thay đổi khóa chính.

c) Xóa và đổi tên bảng: Xóa bảng, đổi tên bảng.

**Câu 3:** Có thể khai báo dữ liệu cho các thuộc tính như sau:

- Mã hàng: Text, AutoNumber, Memo, Number.
- Tên hàng: Text, Memo.
- Ngày nhập: Date/Time.
- Số lượng: Number.
- Đơn giá: Currency

## 7. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 7

TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU

ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

MÔN TIN HỌC – LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

**Câu 1:** Thêm một trường vào bên trên trường hiện tại (ở chế độ thiết kế), ta thực hiện:

- A Insert / New Field
- B Insert / Rows
- C Insert / New Record
- D Insert / Columns

**Câu 2:** Để thực hiện liên kết dữ liệu ta chọn thao tác nào sau đây

- A Insert – Relationships
- B Edit – Relationships
- C Tools – Relationships
- D File – Relationships

**Câu 3:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

- A Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc
- B Lọc/hủy bỏ lọc
- C Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- D Lọc dữ liệu theo mẫu

**Câu 4:** Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để:

- A. Tính toán cho các trường tính toán
- B. Sửa cấu trúc bảng
- C. Lập báo cáo
- D. Xem, nhập và sửa dữ liệu

**Câu 5:** Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng :

(1).Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính.

(2).Chọn các tham số liên kết.

(3).Hiển thị các bảng muốn tạo liên kết.

(4).Mở cửa sổ Relationships.

A 4-3-2-1

B 4-3-1-2

C 2-3-4-1

D 2-4-3-1

**Câu 6:** Các trường mà giá trị của chúng được xác định duy nhất mỗi hàng của bảng được gọi là:

- A Bản ghi chính
- B Kiểu dữ liệu
- C Trường chính
- D Khóa chính

**Câu 7:** Trong Access, để khai báo số điện thoại 01267777777 ta dùng kiểu dữ liệu nào ?

- A Currency
- B Text
- C AutoNumber
- D Number

**Câu 8:** Ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa trường đã chọn, ta thực hiện lệnh nào sau đây là đúng:

- A Không thực hiện được
- B Edit/Delete Rows
- C Edit/Delete Field
- D Insert/Rows

**Câu 9:** Để thực hiện tạo mẫu hỏi ta chọn:

A FORM

B QUERY

C TABLE

D REPORT

**Câu 10:** Trong Access, muốn xem lại trang dữ liệu trước khi in, ta thực hiện:

A. File – Print Preview

B. Tools – Print Preview

C. Windows – Print Preview

D. View – Print Preview

**Câu 11:** Để lọc theo mẫu ta thực hiện thao tác:

A 

B 

C 

D 

**Câu 12:** Trong chế độ Thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

A Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

B Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu

C Sửa đổi dữ liệu

D Nhập và sửa dữ liệu

**Câu 13:** Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?

A Sửa những dữ liệu chưa phù hợp.

B Thêm bản ghi.

C Nhập dữ liệu ban đầu.

D Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng.

**Câu 14:** Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Toán, Lý, Tin,...

A Memo

B Number

C AutoNumber

D Currency

**Câu 15:** Để nâng cao hiệu quả của việc bảo mật, ta cần phải:



- A. Thường xuyên nâng cấp phần cứng, phần mềm
- B. Nhận dạng người dùng bằng mã hoá
- C. Thường xuyên thay đổi các tham số của hệ thống bảo vệ
- D. Thường xuyên sao chép dữ liệu

**Câu 16:** Để thay đổi cấu trúc của biểu mẫu, sau khi chọn tên biểu mẫu ta thực hiện:

- A Nhấn nút  Design
- B Chọn Create Form In Design View
- C Chọn Create Form By Using wizard
- D Nhấn nút  Open




**Câu 17:** Để xóa một trường, chọn trường đó rồi nhấn.

- A Phím Delete.
- B Tổ hợp phím Ctrl + D.
- C Tổ hợp phím Ctrl + Y.
- D Tổ hợp phím Ctrl + Delete.

**Câu 18:** Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), nên chọn loại nào:

- A Text
- B Date/time
- C Currency
- D Number

**Câu 19:** Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:

- A Bấm Enter
- B Click vào nút  New
- C Click vào nút  Design
- D Click vào nút  Open

**Câu 20:** Sau khi thiết kế xong bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì:

- A không cần thiết phải đặt khóa chính.
- B Access không cho phép nhập dữ liệu.
- C Access không cho phép lưu bảng.
- D Access đưa ra lựa chọn là tự động tạo trường khóa chính.

**Câu 21:** Trong vùng lưới QBE, dòng Criteria dùng để:

- A Chứa biểu thức toán học;
- B Chứa hằng số;
- C Chứa hàm.
- D Chứa điều kiện để truy vấn;

**Câu 22:** Khi làm việc với Access xong, muốn thoát khỏi Access, ta thực hiện:

- A File – close
- B Tools – Exit
- C File – Exit
- D View – Exit

**Câu 23:** Khi tạo khóa chính cho bảng, ta có thể chọn bao nhiêu trường?

- A 2 trường.
- B Không cần.
- C 1 trường.
- D Tùy bảng.


**Câu 24** Bảng phân quyền cho phép :

- A. Đếm được số lượng người truy cập hệ thống.
- B. Giúp người quản lí xem được các đối tượng truy cập hệ thống.
- C. Giúp người dùng xem được thông tin CSDL.
- D. Phân các quyền truy cập đối với người dùng

**Câu 25:** Độ rộng của trường có thể được thay đổi ở đâu

- A Có thể thay đổi bất cứ ở đâu.
- B Trong chế độ trang dữ liệu
- C Không thể thay đổi được
- D Trong chế độ thiết kế

**Câu 26:** Để thêm bản ghi mới, ta nháy nút nào trong các nút sau:

- A  B  C  D 

**Câu 27:** Ở chế độ Design, khi thực hiện thao tác lệnh Insert Row là ta đang thực hiện công việc nào sau đây?

- A Chèn thêm bảng B Chèn thêm khóa C Chèn thêm bản ghi D Chèn thêm trường

**Câu 28:** Trong Access, muốn tạo cấu trúc bảng theo cách tự thiết kế, ta chọn

- A Create table by Design view
- B Create table with Design view
- C Create table in Design view
- D Create table for Design view

**Câu 29:** Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL quan hệ.

- A. Bán hàng
- B. Quản lý học sinh trong nhà trường
- C. Bán vé máy bay
- D. Tất cả đều đúng

**Câu 30:** Để tạo nhanh một báo cáo, thường chọn cách nào trong các cách dưới đây:

- A. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo và sau đó sửa đổi thiết kế báo cáo được tạo ra ở bước trên
- B. Người dùng tự thiết kế
- C. Tất cả các trên đều sai

D. Dùng thuật sĩ tạo báo cáo

**Câu 31** Với báo cáo, ta không thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

A. Chọn trường đưa vào báo cáo

B. Gộp nhóm dữ liệu

C. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày

D. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó

**Câu 32:** Khi tạo một Form bằng thuật sĩ, thì có thể lấy dữ liệu từ

A Một Form và nhiều Query

B Một Table hoặc một Form

C Nhiều Table và nhiều Query

D Một hoặc nhiều Query

**Câu 33:** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột :

A Data Type

B Field Type

C Description

D Field Properties

**Câu 34:** Dữ liệu của cơ sở dữ liệu quan hệ được lưu ở:

A Báo cáo.

B Mẫu hỏi.

C Bảng.

D Biểu mẫu.

**Câu 35:** Xét công tác quản lí thi tốt nghiệp THPT, những việc nào thuộc nhóm thao tác cập nhật dữ liệu trong CSDL quan hệ?

A Tìm kiếm một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.

- B Xem một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.
- C Thêm hai hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ
- D In một hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ.

**Câu 36:** Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy các :

- A Trường.
- B Các Form.
- C Cơ sở dữ liệu.
- D Các bảng biểu.

**Câu 37:** Hệ quản trị CSDL là:

- A Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL
- B Phần mềm dùng tạo lập CSDL
- C Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL
- D Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL

**Câu 38:** Bảng điểm có các field MOT\_TIET, THI. Để tìm những học sinh có điểm một tiết trên 8 và điểm thi trên 6.5 thì biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng.

- A  $[MOT\_TIET] > 8 \text{ AND } [THI] > 6.5$
- B  $[MOT\_TIET] > 8 \text{ AND } [THY] > 6.5$
- C  $[MOT\_TIET] > "8" \text{ AND } [THI] > "6.5"$
- D  $MOT\_TIET \geq 8 \text{ AND } THI \geq 6.5$

**Câu 39:** Trong vùng lưới QBE, dòng Show dùng để :

- A. Hiện hoặc ẩn cột;
- B. Hiện hoặc ẩn dòng;
- C. Hiện các dòng;
- D. Ẩn các dòng;

**Câu 40:** Trong Access, khi chỉ định khoá chính sai, muốn xóa bỏ khoá chính đã chỉ định, ta nháy chuột vào nút lệnh :



### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 7 – MÔN TIN 12

- |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1. B  | 2. C  | 3. B  | 4. D  | 5. B  | 6. D  | 7. B  | 8. A  | 9. B  | 10. A |
| 11. B | 12. B | 13. D | 14. B | 15. B | 16. A | 17. A | 18. C | 19. C | 20. D |
| 21. D | 22. C | 23. D | 24. C | 25. D | 26. D | 27. D | 28. C | 29. D | 30. B |
| 31. C | 32. C | 33. A | 34. C | 35. C | 36. A | 37. A | 38. A | 39. A | 40. A |

### 8. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 8

#### ĐỀ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG THPT PHAN ĐĂNG LƯU

MÔN TIN HỌC – LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

**Câu 1:** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

- A. Trường (field): bản chất là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của chủ thể cần quản lý
- B. Bản ghi (record): bản chất là hàng của bảng, gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể được quản lý
- C. Kiểu dữ liệu (Data Type): là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường
- D. Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu

**Câu 2:** Phát biểu nào sau là đúng nhất ?

- A. Record là tổng số hàng của bảng
- B. Data Type là kiểu dữ liệu trong một bảng
- C. Table gồm các cột và hàng
- D. Field là tổng số cột trên một bảng

**Câu 3:** Trong Access, khi nhập dữ liệu cho bảng, giá trị của field GIOI\_TINH là True. Khi đó field GIOI\_TINH được xác định kiểu dữ liệu gì ?

- A. Yes/No
- B. Boolean
- C. True/False
- D. Date/Time

**Câu 4:** Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường THÀNH\_TIỀN (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), phải chọn loại nào?

- A. Number
- B. Currency
- C. Text
- D. Date/time

**Câu 5:** Khi chọn dữ liệu cho các trường chỉ chứa một trong hai giá trị như: trường “gioitinh”, trường “đoàn viên”, ...nên chọn kiểu dữ liệu nào để sau này nhập dữ liệu cho nhanh.

- A. Number
- B. Text
- C. Yes/No
- D. Auto Number

**Câu 6:** Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm “Tóan”, “Lý”,...

- A. AutoNumber
- B. Yes/No
- C. Number
- D. Currency

**Câu 7:** Trong Access khi ta nhập dữ liệu cho trường “Ghi chú” trong CSDL (dữ liệu kiểu văn bản) mà nhiều hơn 255 kí tự thì ta cần phải định nghĩa trường đó theo kiểu nào?

- A. Text
- B. Currency
- C. Longint
- D. Memo

**Câu 8:** Khi tạo bảng, trường “DiaChi” có kiểu dữ liệu là Text, trong mục Field size ta nhập vào số 300. Sau đó ta lưu cấu trúc bảng lại.

- A. Access báo lỗi
- B. Trường DiaChi có tối đa 255 kí tự
- C. Trường DiaChi có tối đa 300 kí tự
- D. Trường DiaChi có tối đa 256 kí tự

**Câu 9:** Giả sử trường “DiaChi” có Field size là 50. Ban đầu địa chỉ của học sinh A là “Le Hong Phong”, giờ ta sửa lại thành “70 Le Hong Phong” thì kích thước CSDL có thay đổi như thế nào ?

- A. Giảm xuống
- B. Không đổi
- C. Tăng lên

**Câu 10:** Hãy chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau?

- A. Khi đã chỉ định khóa chính cho bảng, Access sẽ không cho phép nhập giá trị trùng hoặc để trống giá trị trong trường khóa chính
- B. Trường khóa chính có thể nhận giá trị trùng nhau
- C. Trường khóa chính có thể để trống
- D. Trường khóa chính phải là trường có kiểu dữ liệu là Number hoặc AutoNumber

**Câu 11:** Thành phần cơ sở của Access là:

- A. Table
- B. Field
- C. Record
- D. Field name

**Câu 12:** Trong Access, muốn làm việc với đối tượng bảng, tại cửa sổ cơ sở dữ liệu ta chọn nhãn:

- A. Queries
- B. Reports
- C. Tables
- D. Forms

**Câu 13:** Đây là kiểu dữ liệu văn bản trong Access:


- A. Character
- B. String
- C. Text
- D. Currency


**Câu 14:** Trong Access, dữ liệu kiểu ngày tháng được khai báo bằng:

- A. Day/Type
- B. Date/Type
- C. Day/Time
- D. Date/Time

A. Click vào nút  Design

B. Bấm Enter

C. Click vào nút  New

D. Click vào nút  Open

**Câu 16:** Trong cửa sổ CSDL đang làm việc, để tạo cấu trúc bảng trong chế độ thiết kế, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

- A. Nháy nút  , rồi nháy đúp Design View
- B. Nhấp đúp <tên bảng>
- C. Nháy đúp vào Create Table in Design View
- D. A hoặc C

**Câu 17:** Cửa sổ cấu trúc bảng được chia làm những phần nào?

- A. Phần định nghĩa trường và phần các tính chất của trường
- B. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type) và mô tả trường (Description)
- C. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type) và các tính chất của trường (Field Properties)



D. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type), mô tả trường (Description) và các tính chất của trường (Field Properties)

**Câu 18:** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định tên trường, ta gõ tên trường tại cột:

- A. File Name                      B. Field Name                      C. Name Field                      D. Name

**Câu 19:** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột:

- A. Field Type                      B. Description                      C. Data Type                      D. Field Properties

**Câu 20:** Các trường mà giá trị của chúng được xác định duy nhất mỗi hàng của bảng được gọi là:

- A. Khóa chính                      B. Bản ghi chính                      C. Kiểu dữ liệu                      D. Trường chính

**Câu 21:** Để chỉ định khóa chính cho một bảng, sau khi chọn trường, ta thực hiện:

- A. Edit → Primary key                      B. Nháy nút                       C. A và B                      D. A hoặc B

**Câu 22:** Trong Access, khi chỉ định khoá chính sai, muốn xóa bỏ khoá chính đã chỉ định, ta nháy chuột vào nút lệnh :

- A.                       B.                       C.                       D. 

**Câu 23:** Trong khi làm việc với cấu trúc bảng, muốn xác định khóa chính, ta thực hiện :  
..... → Primary Key

- A. Insert                      B. Edit                      C. File                      D. Tools

**Câu 24:** Hãy chọn phương án đúng. Trong chế độ thiết kế, một trường thay đổi khi:

- A. Một trong những tính chất của trường thay đổi.  
B. Tên trường thay đổi.  
C. Kiểu dữ liệu của trường thay đổi.  
D. Tất cả các phương án trên.

**Câu 25:** Để lưu cấu trúc bảng, ta thực hiện:

- A. File → Save                      C. Nháy nút 


C. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+S


D. A hoặc B hoặc C

**Câu 26:** Để mở bảng ở chế độ thiết kế, chọn tên bảng rồi thực hiện...

A. Nhấn phím ENTER

B. File → Open

C. Nháy nút 

D. Nháy nút 

**Câu 27:** Hãy chọn phương án đúng nhất. Thay đổi cấu trúc bảng là:

A. Thêm trường mới.

B. Thay đổi trường (tên, kiểu dữ liệu, tính chất, ...).

C. Xóa trường.

D. Tất cả các thao tác trên.

**Câu 28:** Trong Access để tạo CSDL mới, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng:

A. Create table by using wizard

B. Create Table in Design View

C. File/open/<tên tệp CSDL>

D. File/new/Blank Database

**Câu 29:** Bảng đang hiển thị ở chế độ thiết kế, muốn thêm một trường vào bên trên trường hiện tại, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Insert/Rows

B. Create Table by Using Wizard

C. File/New/Blank Database

D. File/New

**Câu 30:** Trong khi tạo cấu trúc bảng, tính chất của trường được khai báo tại mục...

A. Field Properties

B. Field Name

C. Data Type

D. Description

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 8 – MÔN TIN 12**

1.D	2.C	3.A	4.B	5.C	6.C	7.D	8.A	9.B	10.A
11.A	12.C	13.C	14.D	5.A	16.A	17.D	18.B	19.C	20.A
21.D	22.A	23.B	24.D	25.D	26.C	27.D	28.D	29.A	30.A

**9. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 9**

**ĐỀ THI HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG THIÊN**

**MÔN TIN HỌC – LỚP 12**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**Câu 1:** Trong Access, để khai báo số điện thoại 01267777777 ta dùng kiểu dữ liệu nào ?

- A Text                                      B AutoNumber                      C Number                                      D Currency

**Câu 2:** Ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa trường đã chọn, ta thực hiện lệnh nào sau đây là đúng:

- A Edit/Delete Field                      B Edit/Delete Rows                      C Insert/Rows                                      D Không thực hiện được

**Câu 3:** Hệ quản trị CSDL là:

- A Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL  
 B Phần mềm dùng tạo lập CSDL  
 C Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL  
 D Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL

**Câu 4:** Sau khi khởi động Access, thành phần Blank Access database dùng để:

- A Cho phép thiết kế một Form mới.  
 B Mở một tập tin đã tồn tại.  
 C Cho phép sửa đổi tập tin cơ sở dữ liệu Access đã có.

D Cho phép tạo mới tập tin cơ sở dữ liệu Access trắng rỗng.

**Câu 5:** Độ rộng của trường có thể được thay đổi ở đâu

A Trong chế độ trang dữ liệu

B Có thể thay đổi bất cứ ở đâu.

C Trong chế độ thiết kế

D Không thể thay đổi được

**Câu 6:** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột :

A Description  
Properties

B Data Type

C Field Type

D Field

**Câu 7:** Trong vùng lưới QBE, dòng Criteria dùng để :

A Chứa hàm.

B Chứa biểu thức toán học;

C Chứa điều kiện để truy vấn;

D Chứa hằng số;

**Câu 8:** Trong các biểu thức sau, biểu thức nào đúng:

A [THANHTIEN]= SOLUONG\*DONGIA

B THANHTIEN=SOLUONG\*DONGIA.

C {TIENTHUONG}:LUONG\*0.2

D TIENTHUONG:[LUONG]\*0.2

**Câu 9:** Bảng điểm có các field MOT\_TIET, THI. Để tìm những học sinh có điểm một tiết trên 8 và điểm thi trên 6.5 thì biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng.

A [MOT\_TIET] > 8 AND [THY] > 6.5

B [MOT\_TIET] > "8" AND [THI] > "6.5"

C [MOT\_TIET] > 8 AND [THI] > 6.5

D MOT\_TIET >= 8 AND THI >= 6.5

**Câu 10:** Để thêm bản ghi mới, ta nháy nút nào trong các nút sau:



**Câu 11:** Trong vùng lưới QBE, dòng Show dùng để :

- A. Hiện hoặc ẩn dòng;
- B. Hiện hoặc ẩn cột;
- C. Hiện các dòng;
- D. ẩn các dòng;

**Câu 12:** Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL

- A Người lập trình ứng dụng
- B Người dùng cuối
- C Người thiết kế CSDL
- D Người QTCSDL

**Câu 13:** Access có những khả năng nào?

- A Lưu trữ và khai thác Form.
- B Lưu trữ và khai thác dữ liệu.
- C Lưu trữ và khai thác bảng biểu.
- D Tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu.

**Câu 14:** Để thực hiện liên kết dữ liệu ta chọn thao tác nào sau đây

- A File – Relationships
- B Tools – Relationships
- C Edit – Relationships
- D Insert – Relationships

**Câu 15:** Khi tạo khóa chính cho bảng, ta có thể chọn bao nhiêu trường?

- A 2 trường.

B Tùy bảng.

C 1 trường.

D Không cần.

**Câu 16:** Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:

A Click vào nút  B Click vào nút  C Click vào nút  D Bấm Enter

**Câu 17:** Dữ liệu của cơ sở dữ liệu được lưu ở:

A Biểu mẫu.

B Báo cáo.

C Bảng.

D Mẫu hỏi.

**Câu 18:** Để thực hiện tạo mẫu hỏi ta chọn:

A TABLE

B FORM

C REPORT

D QUERY

**Câu 19:** Trong chế độ Thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

A Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu

B Sửa đổi dữ liệu

C Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

D Nhập và sửa dữ liệu

**Câu 20:** Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), nên chọn loại nào:

A Text

B Number

C Currency

D Date/time

**Câu 21:** Ở chế độ Design, khi thực hiện thao tác lệnh Insert Row là ta đang thực hiện công việc nào sau đây?

A Chèn thêm trường

B Chèn thêm khóa

C Chèn thêm bản ghi

D Chèn thêm bảng

**Câu 22:** Khi tạo bảng, trường "DiaChi" có kiểu dữ liệu là Text, mục Field size ta nhập vào số 300. Lưu cấu trúc bảng lại:

A Access báo lỗi

B Trường DiaChi có tối đa 256 ký tự

- C Trường DiaChi có tối đa 255 kí tự
- D Trường DiaChi có tối đa 300 kí tự

**Câu 23:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

- A Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc
- B Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
- C Lọc/hủy bỏ lọc
- D Lọc dữ liệu theo mẫu

**Câu 24:** Trong Access, muốn tạo cấu trúc bảng theo cách tự thiết kế, ta chọn

- A Create table in Design view
- B Create table with Design view
- C Create table for Design view
- D Create table by Design view

**Câu 25:** Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A Nhập dữ liệu ban đầu.
- B Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng.
- C Thêm bản ghi.
- D Sửa những dữ liệu chưa phù hợp.

**Câu 26:** Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng :

- (1).Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính.
- (2).Chọn các tham số liên kết.
- (3).Hiển thị các bảng muốn tạo liên kết.
- (4).Mở cửa sổ Relationships.

- A 2-4-3-1
- B 4-3-2-1
- C 4-3-1-2
- D 2-3-4-1

**Câu 27:** Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL

- A. Bán hàng
- B. Quản lý học sinh trong nhà trường
- C. Bán vé máy bay

D. Tất cả đều đúng

**Câu 28:** Sau khi thiết kế xong bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì:

A Access không cho phép nhập dữ liệu.

B Access không cho phép lưu bảng.

C không cần thiết phải đặt khóa chính.

D Access đưa ra lựa chọn là tự động tạo trường khóa chính.

**Câu 29:** Các trường mà giá trị của chúng được xác định duy nhất mỗi hàng của bảng được gọi là:

A Trường chính  
chính

B Kiểu dữ liệu

C Khóa chính

D Bản ghi

**Câu 30:** Để xóa một trường, chọn trường đó rồi nhấn.

A Phím Delete.

B Tổ hợp phím Ctrl + Delete.

C Tổ hợp phím Ctrl + D.

D Tổ hợp phím Ctrl + Y.

**Câu 31:** Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Toán, Lý, Tin,...

A Memo

B Currency

C AutoNumber

D Number

**Câu 32:** Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy các :

A Trường.

B Các Form.

C Cơ sở dữ liệu.

D Các bảng

biểu.

**Câu 33:** Thêm một trường vào bên trên trường hiện tại (ở chế độ thiết kế), ta thực hiện:

A Insert / Columns

B Insert / New Field

C Insert / Rows

D Insert /

New Record

**Câu 34:** Khi làm việc với Access xong, muốn thoát khỏi Access, ta thực hiện :

A View – Exit



B File – close

C Tools – Exit

D File – Exit

**Câu 35:** Để thay đổi cấu trúc của biểu mẫu, sau khi chọn tên biểu mẫu ta thực hiện:



- A Nhấn nút 
- B Chọn Create Form By Using wizard
- C Nhấn nút 
- D Chọn Create Form In Design View

**Câu 36:** Khi tạo một Form bằng thuật sĩ, thì có thể lấy dữ liệu từ

- A Một hoặc nhiều Query
- B Nhiều Table và nhiều Query
- C Một Form và nhiều Query
- D Một Table hoặc một Form


**Câu 37:** Xét công tác quản lí thi tốt nghiệp THPT, những việc nào thuộc nhóm thao tác cập nhật dữ liệu?

- A In một hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ.
- B Thêm hai hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ
- C Tìm kiếm một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.
- D Xem một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.

**Câu 38:** Trong các chức năng sau, chức năng nào không phải là chức năng của hệ quản trị CSDL.

- A Cung cấp công cụ kiểm soát việc truy cập vào CSDL
- B Cung cấp cách quản lý tệp
- C Cung cấp cách tạo lập CSDL
- D Cung cấp cách cập nhật, tìm kiếm và kết xuất thông tin

**Câu 39:** Trong Access, khi chỉ định khoá chính sai, muốn xóa bỏ khoá chính đã chỉ định, ta nháy chuột vào nút lệnh :

- A  B  C  D 

**Câu 40:** Để lọc theo mẫu ta thực hiện thao tác :

- A  B  C  D 

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 9 – MÔN TIN 12**

1. A    2. D    3. D    4. D    5. C    6. B    7. C    8. D    9. C    10. A  
11. B    12. A    13. D    14. B    15. B    16. A    17. C    18. D    19. A    20. C  
21. A    22. A    23. C    24. A    25. B    26. C    27. D    28. D    29. C    30. A  
31. D    32. A    33. C    34. D    35. C    36. B    37. B    38. B    39. B    40. B

**10. Đề thi HK1 môn Tin học 12 số 10****ĐỀ THI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2019-2020****TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN****MÔN TIN HỌC – LỚP 12****Thời gian làm bài: 45 phút**

**Câu 1:** Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng :

(1).Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính

(2).Chọn các tham số liên kết.

(3).Hiển thị các bảng muốn tạo liên kết.

(4).Mở cửa sổ Relationships.

A 4-3-1-2

B 2-4-3-1

C 2-3-4-1

D 4-3-2-1

**Câu 2:** Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL

A Người thiết kế CSDL

B Người QTCSDL

C Người dùng cuối

D Người lập trình ứng dụng

**Câu 3:** Các trường mà giá trị của chúng được xác định duy nhất mỗi hàng của bảng được gọi là:

A Bản ghi chính  
chính

B Kiểu dữ liệu

C Trường chính

D Khóa

**Câu 4:** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

- A Lọc/hủy bỏ lọc
- B Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc
- C Lọc dữ liệu theo mẫu D Lọc theo ô dữ liệu đang chọn

**Câu 5:** Dữ liệu của cơ sở dữ liệu được lưu ở:

- A Báo cáo.
- B Bảng.
- C Mẫu hỏi.
- D Biểu mẫu.

**Câu 6:** Trong các biểu thức sau, biểu thức nào đúng:

- A {TIENTHUONG}:LUONG\*0.2
- B TIENTHUONG:[LUONG]\*0.2
- C THANHTIEN=SOLUONG\*DONGIA.
- D [THANHTIEN]= SOLUONG\*DONGIA

**Câu 7:** Trong vùng lưới QBE, dòng Criteria dùng để :

- A Chứa biểu thức toán học;
- B Chứa hằng số;
- C Chứa điều kiện để truy vấn;
- D Chứa hàm.

**Câu 8:** Xét công tác quản lí thi tốt nghiệp THPT, những việc nào thuộc nhóm thao tác cập nhật dữ liệu?

- A In một hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ.
- B Tìm kiếm một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.
- C Thêm hai hồ sơ, xóa một hồ sơ, sửa tên trong một hồ sơ
- D Xem một hồ sơ, in một hồ sơ, xóa một hồ sơ.

**Câu 9:** Để xóa một trường, chọn trường đó rồi nhấn.

- A Tổ hợp phím Ctrl + Y.

B Tổ hợp phím Ctrl + Delete.

C Tổ hợp phím Ctrl + D.

D Phím Delete.

**Câu 10:** Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?

A Sửa những dữ liệu chưa phù hợp.

B Nhập dữ liệu ban đầu.

C Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng.

D Thêm bản ghi.

**Câu 11:** Hệ quản trị CSDL là:

A Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL

B Phần mềm dùng tạo lập CSDL

C Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL

D Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL

**Câu 12:** Trong Access, khi chỉ định khoá chính sai, muốn xóa bỏ khoá chính đã chỉ định, ta nháy chuột vào nút lệnh :

A 

B 

C 

D 

**Câu 13:** Để thực hiện tạo mẫu hỏi ta chọn:

A TABLE

B FORM

C QUERY

D REPORT

**Câu 14:** Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Toán, Lý, Tin,...

A Currency

B AutoNumber

C Memo

D Number

**Câu 15:** Để lọc theo mẫu ta thực hiện thao tác :

A 

B 

C 

D 

**Câu 16:** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định tên kiểu dữ liệu tại cột :

A Field Type                      B Field Properties                      C Description                      D Data Type

**Câu 17:** Khi tạo một Form bằng thuật sĩ, thì có thể lấy dữ liệu từ

- A Một Table hoặc một Form
- B Nhiều Table và nhiều Query
- C Một Form và nhiều Query
- D Một hoặc nhiều Query

**Câu 18:** Ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa trường đã chọn, ta thực hiện lệnh nào sau đây là đúng:

- A Edit/Delete Field
- B Không thực hiện được
- C Insert/Rows
- D Edit/Delete Rows

**Câu 19:** Trong chế độ Thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

- A Sửa đổi dữ liệu
- B Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu
- C Nhập và sửa dữ liệu
- D Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu

**Câu 20:** Khi tạo bảng, trường "DiaChi" có kiểu dữ liệu là Text, mục Field size ta nhập vào số 300. Lưu cấu trúc bảng lại:

- A Trường DiaChi có tối đa 255 kí tự
- B Trường DiaChi có tối đa 300 kí tự
- C Trường DiaChi có tối đa 256 kí tự
- D Access báo lỗi

**Câu 21:** Access có những khả năng nào?

- A Lưu trữ và khai thác dữ liệu.
- B Tạo lập, lưu trữ, cập nhật và khai thác dữ liệu.

C Lưu trữ và khai thác Form.  
và khai thác bảng biểu.

D Lưu trữ

**Câu 22:** Khi làm việc với Access xong, muốn thoát khỏi Access, ta thực hiện :

A Tools – Exit  
Exit

B File – close

C File – Exit

D View –

**Câu 23:** Trong Access, muốn tạo cấu trúc bảng theo cách tự thiết kế, ta chọn

A Create table with Design view

B Create table by Design view

C Create table for Design view

D Create table in Design view

**Câu 24:** Trong vùng lưới QBE, dòng Show dùng để :

A. Hiện hoặc ẩn dòng; B. Hiện các dòng; C. Hiện hoặc ẩn cột; D. ẩn các dòng;

**Câu 25:** Để thực hiện liên kết dữ liệu ta chọn thao tác nào sau đây

A Edit – Relationships  
Relationships

B File – Relationships

C Insert – Relationships

D Tools –

**Câu 26:** Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL

A. Bán hàng

B. Quản lý học sinh trong nhà trường

C. Bán vé máy bay

D. Tất cả đều đúng

**Câu 27:** Độ rộng của trường có thể được thay đổi ở đâu

A Trong chế độ trang dữ liệu

B Không thể thay đổi được

C Trong chế độ thiết kế

D Có thể thay đổi bất cứ ở đâu.

**Câu 28:** Khi tạo khóa chính cho bảng, ta có thể chọn bao nhiêu trường?

A Tùy bảng.  
cần.

B 2 trường.




C 1 trường.

D Không

**Câu 29:** Để thay đổi cấu trúc của biểu mẫu, sau khi chọn tên biểu mẫu ta thực hiện:

A Nhấn nút  B Chọn Create Form In Design View C Nhấn nút  D Chọn Create Form By Using wizard

**Câu 30:** Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:

A Bấm Enter B Click vào nút  C Click vào nút  D Click vào nút 

**Câu 31:** Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), nên chọn loại nào:

A Currency B Date/time C Number D Text

**Câu 32:** Thêm một trường vào bên trên trường hiện tại (ở chế độ thiết kế), ta thực hiện:

A Insert / New Field B Insert / Columns C Insert / Rows D Insert / New Record

**Câu 33:** Sau khi thiết kế xong bảng, nếu ta không chỉ định khóa chính thì:

A không cần thiết phải đặt khóa chính. B Access đưa ra lựa chọn là tự động tạo trường khóa chính.  
C Access không cho phép nhập dữ liệu. D Access không cho phép lưu bảng.

**Câu 34:** Bảng điểm có các field MOT\_TIET, THI. Để tìm những học sinh có điểm một tiết trên 8 và điểm thi trên 6.5 thì biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng.

A  $[MOT\_TIET] > 8 \text{ AND } [THI] > 6.5$  B  $[MOT\_TIET] > "8" \text{ AND } [THI] > "6.5"$   
C  $[MOT\_TIET] > 8 \text{ AND } [THY] > 6.5$  D  $MOT\_TIET \geq 8 \text{ AND } THI \geq 6.5$

**Câu 35:** Trong các chức năng sau, chức năng nào không phải là chức năng của hệ quản trị CSDL.

A Cung cấp cách tạo lập CSDL  
B Cung cấp công cụ kiểm soát việc truy cập vào CSDL  
C Cung cấp cách quản lý tệp  
D Cung cấp cách cập nhật, tìm kiếm và kết xuất thông tin

**Câu 36:** Để thêm bản ghi mới, ta nháy nút nào trong các nút sau:

A B C D 

**Câu 37:** Ở chế độ Design, khi thực hiện thao tác lệnh Insert Row là ta đang thực hiện công việc nào sau đây?

A Chèn thêm trường      B Chèn thêm bảng      C Chèn thêm bản ghi      D Chèn thêm khóa

**Câu 38:** Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy các :

A Các bảng biểu.      B Trường.      C Cơ sở dữ liệu.      D Các Form.

**Câu 39:** Sau khi khởi động Access, thành phần Blank Access database dùng để:

A Cho phép sửa đổi tập tin cơ sở dữ liệu Access đã có.  
 B Cho phép tạo mới tập tin cơ sở dữ liệu Access trống rỗng.  
 C Cho phép thiết kế một Form mới.  
 D Mở một tập tin đã tồn tại.

**Câu 40:** Trong Access, để khai báo số điện thoại 01267777777 ta dùng kiểu dữ liệu nào ?

A AutoNumber      B Text      C Currency      D Number

### ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 SỐ 10 – MÔN TIN 12

1. A    2. D    3. D    4. A    5. B    6. B    7. C    8. C    9. D    10. C  
 11. A    12. A    13. C    14. D    15. A    16. D    17. B    18. B    19. B    20. D  
 21. B    22. C    23. D    24. C    25. D    26. D    27. C    28. A    29. A    30. D  
 31. A    32. C    33. B    34. A    35. C    36. C    37. A    38. B    39. B    40. B